HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **XÃ HẢI LĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**
Số: 15/NQ-HĐND	*Hải Lăng, ngày 29 tháng 6 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Về hỗ trợ hoạt động khuyến công trên địa bàn xã Hải Lăng giai đoạn 2026-2030

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ HẢI LĂNG
KHÓA II, KỲ HỌP THỨ HAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP của Chính phủ về khuyến công được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 235/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 20/5/2026 của HĐND tỉnh Quảng Trị về việc Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 11/8/2025 của Đảng bộ xã Hải Lăng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030;

Xét Tờ trình số 1123/TTr-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã về việc đề nghị Hội đồng nhân dân xã thông qua Nghị quyết về hỗ trợ hoạt động khuyến công trên địa bàn xã Hải Lăng giai đoạn 2026-2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành Nghị quyết về hỗ trợ hoạt động khuyến công trên địa bàn xã Hải Lăng giai đoạn 2026-2030 với các nội dung chủ yếu sau:

1. Đối tượng áp dụng:

- Tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất CN-TTCN trên địa bàn xã, bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.
- Các cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn.
- Các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động khuyến công.

2. Ngành, nghề áp dụng:

- Công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản và chế biến thực phẩm.
- Công nghiệp phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu, thay thế hàng nhập khẩu.

- Công nghiệp sinh học phục vụ nông nghiệp.

- Ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, thủ công mỹ nghệ, các cơ sở sản xuất tại địa phương.

- Áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững; xử lý môi trường tại các cụm công nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn.

- Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

3. Nguyên tắc hỗ trợ:

- Hỗ trợ đúng đối tượng, đúng quy trình, mỗi đối tượng được hỗ trợ từ một hoặc nhiều nội dung trong chính sách này từ nguồn ngân sách Nhà nước. Trong cùng một nội dung hỗ trợ, nếu đối tượng đã được hỗ trợ từ ngân sách Trung ương hoặc tỉnh thì không được hưởng hỗ trợ của ngân sách xã.

- Trong cùng một thời gian, một số nội dung có nhiều chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án khác nhau thì đối tượng thụ hưởng được hưởng mức hỗ trợ có lợi nhất.

- Trường hợp có nhiều dự án cùng nội dung được đăng ký thì căn cứ quy mô, nội dung triển khai và kết quả thực hiện của dự án để ưu tiên hỗ trợ dự án đem lại hiệu quả thiết thực, phù hợp nhất với tình hình của địa phương.

- Trường hợp các cơ sở CNNT cùng đáp ứng điều kiện hỗ trợ theo quy định thì ưu tiên lựa chọn cơ sở do phụ nữ làm chủ, cơ sở sử dụng nhiều lao động nữ, lao động yếu thế.

4. Ngành nghề, lĩnh vực ưu tiên:

- Hỗ trợ phát triển trong lĩnh vực công nghiệp chế biến nông-lâm-thủy sản, dự án phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã.

- Ưu tiên chương trình, dự án hỗ trợ chuyển đổi số, các sản phẩm công nghiệp nông thôn chủ lực của xã.

- Sản xuất sản phẩm sử dụng nguyên liệu tại chỗ, sản phẩm có thị trường xuất khẩu.

- Ưu tiên các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, thủ công mỹ nghệ truyền thống có nguy cơ thất truyền.

- Các cơ sở công nghiệp nông thôn gây ô nhiễm môi trường trong khu dân cư có cam kết di dời vào Cụm công nghiệp.

5. Điều kiện hỗ trợ

- Đúng ngành nghề sản xuất kinh doanh và nội dung hỗ trợ theo quy định.

- Nội dung đăng ký hỗ trợ Khuyến công chưa được hỗ trợ từ các nguồn kinh phí khác của Nhà nước.

- Tổ chức, cá nhân đã đầu tư vốn hoặc cam kết đầu tư đủ kinh phí thực hiện đề án Khuyến công đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Thực hiện đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

5. Nội dung và mức hỗ trợ

5.1. Hỗ trợ khởi sự, thành lập và nâng cao năng lực cơ sở công nghiệp nông thôn

Hỗ trợ thuê tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn trong các lĩnh vực: lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực;

ứng dụng công nghệ, thiết bị mới. Mức hỗ trợ tối đa 60% chi phí nhưng không quá 25 triệu đồng/cơ sở.

5.2. Hỗ trợ du nhập các mô hình TTCN, ngành nghề mới, may mặc gia công có quy mô

- Các mô hình TTCN, ngành nghề mới: Sử dụng nguyên liệu tại chỗ, tạo việc làm thường xuyên cho 05 lao động trở lên, mức hỗ trợ tối đa không quá 30 triệu đồng/dự án.

- Các mô hình may gia công: Các cơ sở may gia công thành lập mới hoặc mở rộng quy mô có đầu tư đủ 20 máy may (tương đương với 20 lao động) được hỗ trợ 1,5 triệu đồng/01 máy; đối với các cơ sở có đầu tư trên 20 máy thì đầu tư thêm 01 máy may (tương đương 01 lao động) được hỗ trợ 2 triệu đồng/máy đối với các cơ sở mở rộng quy mô, chỉ hỗ trợ số máy may tăng thêm nhưng tối đa không quá 50 triệu đồng/cơ sở. Điều kiện cơ sở có bố trí nhà xưởng và sản xuất ổn định, đảm bảo phòng cháy chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

5.3. Hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Hỗ trợ đào tạo nghề theo nhu cầu của các cơ sở công nghiệp nông thôn để tạo việc làm và nâng cao tay nghề cho người lao động. Chương trình và hình thức đào tạo nghề chủ yếu là: kèm cặp nghề, truyền nghề, tập nghề; chương trình bồi dưỡng, cập nhật, nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp; chương trình chuyển giao công nghệ. Mức hỗ trợ tối đa 500.000 đồng/người/tháng, không quá 1.500.000 đồng/người/khóa đào tạo.

5.4. Hỗ trợ xây dựng các mô hình về áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững cho các cơ sở sản xuất công nghiệp:

Hỗ trợ xây dựng các mô hình về áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững cho các cơ sở sản xuất công nghiệp, bao gồm các chi phí: Thay thế nguyên, nhiên, vật liệu; đổi mới máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 30 triệu đồng/cơ sở.

5.5. Hỗ trợ bảo hộ thương hiệu, nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp

Hỗ trợ tư vấn thiết kế mẫu mã, bao bì, nhãn hiệu; in ấn, đóng gói sản phẩm ban đầu; xây dựng, đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển nhãn hiệu, thương hiệu hàng hoá, kiểu dáng công nghiệp sản phẩm; công bố chất lượng sản phẩm; mã số, mã vạch; truy xuất nguồn gốc; các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm. Mức hỗ trợ:

- Đối với nhãn hiệu tập thể: hỗ trợ 100% chi phí thực hiện nhưng không quá 70 triệu đồng/01 sản phẩm.

- Đối với nhãn hiệu cá thể: hỗ trợ 50% chi phí thực hiện nhưng không quá 30 triệu đồng/01 sản phẩm.

5.6. Hỗ trợ đầu tư phòng trưng bày giới thiệu sản phẩm công nghiệp nông thôn; quảng bá sản phẩm

- Hỗ trợ đầu tư phòng trưng bày để giới thiệu, quảng bá sản phẩm tại cơ sở công nghiệp nông thôn, có quy mô phòng trưng bày diện tích tối thiểu 20m^2, trong đó, ngoài trưng bày các sản phẩm của cơ sở được hỗ trợ còn trưng bày tối thiểu 05 sản phẩm công nghiệp nông thôn khác của xã đã được cấp thẩm quyền công

nhận; bao gồm các chi phí: Chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày. Mức hỗ trợ tối đa 40 triệu đồng/phòng trưng bày.

- Hỗ trợ tham gia hội chợ triển lãm các sản phẩm công nghiệp nông thôn tại các xã, phường trong tỉnh. Hỗ trợ tối đa 80% chi phí thuê gian hàng và 30% chi phí vận chuyển hàng hóa tham gia hội chợ.

5.7. Hỗ trợ tổ chức, bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu

Hỗ trợ tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh (chi phí thu gom, tập hợp, hoàn thiện hồ sơ, vận chuyển, cán bộ quản lý) mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/lần.

5.8. Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất kinh doanh

Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số để số hóa dữ liệu, tự động hóa quy trình sản xuất, kinh doanh cho các cơ sở công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ 50% chi phí nhưng không quá 30 triệu đồng/cơ sở.

5.9. Chi hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công

- Chi tổ chức trao đổi, học tập kinh nghiệm về công tác khuyến công, khuyến khích phát triển công nghiệp, hội nghị đánh giá tổng kết về hoạt động khuyến công; các lớp tập huấn, nâng cao năng lực, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ khuyến công. Mức chi theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành.

- Chi kiểm tra, thẩm định đánh giá các đề án hỗ trợ; chi văn phòng phẩm, tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết và các khoản chi phí khác (nếu có). Mức chi áp dụng theo Khoản 22 Điều 8 Chương II Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ Tài Chính Hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công.

6. Kinh phí thực hiện:

Hằng năm ngân sách xã cân đối từ nguồn ngân sách được phân cấp để bố trí thực hiện Nghị quyết.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

- Hằng năm xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể, ưu tiên hỗ trợ áp dụng KHCN, chuyển đổi số trong hoạt động khuyến công; hỗ trợ liên doanh liên kết, bao tiêu sản phẩm, quảng bá thương hiệu, thiết kế mẫu mã bao bì, nhãn hiệu; xây dựng, đăng ký bảo hộ thương hiệu hàng hoá sản phẩm, các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp nông thôn. Quá trình thực hiện có sự thay đổi về định mức hoặc số lượng mô hình, trong phạm vi nguồn ngân sách đã được bố trí, UBND xã thống nhất với Thường trực HĐND xã để thực hiện.

- Năm 2026, trên cơ sở nguồn sự nghiệp kinh tế đã được bố trí từ đầu năm, UBND xã đề xuất hỗ trợ các mô hình cụ thể trên địa bàn xã, trong đó tập trung hỗ trợ cho các tập thể, cá nhân ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số để số hóa dữ liệu, tự động hóa quy trình sản xuất, kinh doanh cho các cơ sở công nghiệp

nông thôn; hỗ trợ xây dựng phòng trưng bày để giới thiệu, quảng bá sản phẩm; hỗ trợ bảo hộ thương hiệu, nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp cho các sản phẩm.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân xã phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội giám sát thực hiện Nghị quyết.

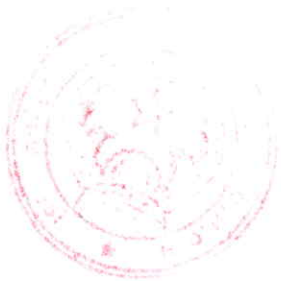
Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Hải Lăng khóa II, Kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2026, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- TT HĐND;
- UBND tỉnh ;
- BTV Đảng ủy xã;
- TT HĐND, BTT UBMT xã;
- CT, PCT UBND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Các tổ chức CT-XH xã;
- Các cơ quan đơn vị;
- Đại biểu HĐND xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

H.Đ.N.D XÃ HẢI LĂNG T. QUẢNG TRỊ

Nguyễn Quang Hải



DỰ KIẾN NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN MỘT NĂM

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 15/NQ-HĐND ngày 29/6/2026 của HĐND xã Hải Lăng)

Stt	Tên mô hình, sản phẩm	Định mức hỗ trợ (đồng)	Số mô hình, cơ sở, sản phẩm thực hiện	Thành tiền (đồng)
1	Hỗ trợ khởi sự, thành lập và nâng cao năng lực cơ sở công nghiệp nông thôn	25.000.000	01	25.000.000
2	Mô hình TTCN, ngành nghề mới	30.000.000	01	30.000.000
3	Mô hình may gia công	50.000.000	01	50.000.000
4	Đào tạo nghề cho lao động nông thôn	1.500.000	20	30.000.000
5	Áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp	30.000.000	01	30.000.000
6	Bảo hộ thương hiệu, nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp đối với tập thể	70.000.000	01	70.000.000
	Bảo hộ thương hiệu, nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp đối với cá nhân	30.000.000	01	30.000.000
7	Trưng bày giới thiệu sản phẩm công nghiệp nông thôn; quảng bá sản phẩm	40.000.000	01	40.000.000
8	Tham gia bình chọ sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu	10.000.000	01	10.000.000
9	Ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong SXKD	30.000.000	01	30.000.000
	TC			**345.000.000**

Tổng kinh phí dự kiến giai đoạn 2026-2030: 1.725.000.000 đồng